TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2024/DS - PT
Ngày: 28-11-2024
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trung Thành

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Nghĩa và bà Hoàng Thị Thanh Nhàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Thanh Thuý - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Diệu Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 28/11/2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2024/TLPT- DS ngày 04/10/2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" do Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2024/DS - ST ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Minh Hóa bị kháng cáo; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 381/2024/QĐXX-PT ngày 04/11/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đinh Thị T, sinh năm 1959; địa chỉ: Thôn V, xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

2. Bị đơn: Chị Đinh Thị Thu H, sinh năm 1979 và anh Đinh Thanh Đ, sinh năm 1976; địa chỉ: Trường THCS H1, huyện M, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

3. Người làm chứng theo yêu cầu của bị đơn: Chị Cao Thị D, sinh năm 1984; địa chỉ: Trường THCS H1, huyện T, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/4/2024, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đinh Thị T trình bày:*

Do có mối quan hệ quen biết với con gái của bà cùng làm việc tại trường tại trường THCS H1, cho nên ngày 12/02/2018 chị Đinh Thị Thu H đã viết giấy vay số tiền 10.000.000 đồng và hẹn sau 01 tháng sẽ trả số tiền vay, đến ngày 14/02/2018 vợ chồng chị Đinh Thị Thu H và anh Đinh Thanh Đ tiếp tục viết giấy mượn số tiền 40.000.000 đồng để kịp thời hoàn thiện việc xây nhà và hứa hẹn sẽ vay ngân hàng để trả lại cho bà. Nhằm làm tin chị H và anh Đ đã để lại 02 bằng

tốt nghiệp Cao đẳng của vợ chồng và 01 giấy chứng minh nhân dân của chị H để làm tin. Sau khi hết thời hạn mượn tiền, bà đã nhiều lần đòi nợ nhưng vợ chồng chị H, anh Đ chỉ hứa hẹn sẽ trả những không thực hiện. Vì vậy, bà khởi kiện và yêu cầu Tòa án tuyên buộc chị H, anh Đ trả toàn bộ số tiền nợ gốc số tiền 50.000.000 cho bà và không yêu cầu tính lãi.

** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Đinh Thanh Đ và chị Đinh Thi Thu H thống nhất trình bày:*

Vào ngày 13/02/2018, anh chị có viết giấy mượn tiền của bà T số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn cho vay là 01 tháng tính từ ngày 13/02/2018, lãi suất cho vay không thể hiện trong giấy mượn tiền, nhưng các bên có thỏa thuận bằng miệng với nhau với mức lãi suất là 10%/tháng/nợ gốc. Đến ngày 14/02/2018, anh chị đến nhà trả cho bà T 1.000.000 đồng tiền lãi của khoản vay 10.000.000 đồng ngày 13/02/2018; đồng thời vay thêm số tiền 40.000.000 đồng và cầm cố 02 bằng tốt nghiệp cao đẳng của vợ chồng và 01 chứng minh nhân dân của chị H. Mặc dù tại các giấy vay tiền trên đều không thể hiện tiền lãi nhưng trên thực tế các bên có thỏa thuận miệng với nhau với mức lãi suất 10%/tháng/nợ gốc chứ không phải vì tình cảm mà cho mượn như bà T trình bày. Vì vậy, tính từ ngày 14/02/2018 đến tháng 02/2019 anh chị đã trả cho bà T với tổng số tiền lãi là 60.000.000 đồng và chưa trả được tiền nợ gốc. Đối với số tiền nợ gốc 50.000.000 đồng thì anh chị vay cho người khác trong lúc khó khăn, nhưng hiện bà T khởi kiện thì anh chị đồng ý trả nhưng với điều kiện bà T phải trả lại 02 bằng cao đẳng cho vợ chồng.

- Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2024/DS-ST ngày 15/8/2024, Toà án nhân dân huyện Minh Hóa đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 235, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 463, 465, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đinh Thị T và

Buộc chị Đinh Thị Thu H và anh Đinh Thanh Đ phải trả cho bà Đinh Thị T số tiền 50.000.000 đồng.

- Ghi nhận việc bà Đinh Thị T trả cho lại chị Đinh Thị Thu H và anh Đinh Thanh Đ bằng tốt nghiệp cao đẳng của chị Đinh Thị Thu H số hiệu bằng C148082 cấp ngày 18/7/2000.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn quyết định vấn đề án phí, quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án, yêu cầu thi hành án, việc bị cưỡng chế thi hành án, vấn đề thời hiệu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

- Ngày 28/8/2024, bị đơn chị Đinh Thị Thu H và anh Đinh Thanh Đ kháng cáo Bản án số 09/2024/DS-ST ngày 15/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa vì bị đơn không chấp nhận phương thức trả nợ do điều kiện bị đơn còn thuê nhà, không có điều kiện trả một lần và không chấp nhận nộp phí và không chấp nhận việc Tòa chưa làm rõ bà T giữ bằng của hai vợ chồng cũng như Tòa chưa làm rõ những chứng cứ liên quan đến việc bà T cho vay mượn đã thu lãi suất 12 tháng với số tiền 60 triệu đồng, không đưa tài liệu, chứng cứ và người làm chứng có liên quan đến vụ án trong khi giải quyết vụ án.

**** Tại phiên tòa phúc thẩm:***

- *Bị đơn chị H, anh Đ trình bày:* Trong quá trình vay mượn tiền thì vợ chồng chị đã trả cho bà T tiền lãi vay trong thời gian vay 12 tháng với số tiền là 60.000.000 đồng, trong đó vợ chồng chị đã trả tiền lãi hàng tháng là 5.000.000 đồng. Trong các lần đi trả lãi thì các bên không có giấy tờ giao nhận tiền lãi nhưng có chị D là người đi cùng chứng kiến sự việc vợ chồng chị trả lãi. Việc bà T cho vay tiền là để lấy lãi chứ không phải vì tình cảm mà cho vợ chồng chị vay giúp được thể hiện qua các tin nhắn bà T gửi cho chị có đề cập đến tiền lãi. Đối với 02 bằng tốt nghiệp và 01 giấy chứng minh nhân dân mà vợ chồng anh chị đã đưa cho bà T giữ để làm tin khi vay mượn tiền nhưng hiện nay còn 01 bằng tốt nghiệp cao đẳng của anh Đ bà T chưa trả nên đã gây ảnh hưởng đến việc học tập của anh cụ thể: Vào năm 2020 anh đăng ký học hệ đại học tại Trường Đại học S, nhưng đến khoảng năm 2022 khi gần chuẩn bị tốt nghiệp nhưng do thiếu bằng tốt nghiệp hệ cao đẳng do bà T giữ chưa trả cho nên anh không đủ điều kiện để thi tốt nghiệp. Còn tại thời điểm anh làm hồ sơ để học lên đại học thì không cần cung cấp bằng tốt nghiệp cao đẳng mà chi cần đăng ký là được đi học. Vì vậy, về số nợ gốc chưa trả thì anh chị đồng ý sẽ trả dần và không chấp nhận trả một lần như án sơ thẩm đã tuyên và buộc bà T trả lại bằng tốt nghiệp cao đẳng của anh Đ.

- *Người làm chứng chị Cao Thị D trình bày:* Trong các lần chị H đi trả lãi cho bà T thì có chị đi cùng và chứng kiến sự việc và hai bên không có giấy tờ, tài liệu gì về việc trả tiền lãi.

- *Nguyên đơn bà T trình bày:* Tại thời điểm vay vào ngày 13/02/2018 thì vợ chồng chị H, anh Đ có để lại 02 bằng tốt nghiệp và 01 chứng minh nhân dân, nhưng sau đó khoảng 01 tháng thì vợ chồng anh Đ có lên xin lại bằng tốt nghiệp của anh Đ để anh Đ làm hồ sơ học lên hệ Đại học nên bà đã trả lại cho anh Đ. Hiện nay bà chỉ còn giữ lại 01 bằng tốt nghiệp của chị H và bà đồng ý trả lại ngay cho chị H tại phiên tòa.

- *Quan điểm về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình:*

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Toà án và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự;

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn vì không có căn cứ; giữ nguyên bản án sơ thẩm và buộc đương sự phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy đơn kháng cáo của bị đơn được thực hiện đảm bảo về hình thức và nội dụng theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, cho nên được chấp nhận để xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của bị đơn thấy rằng:

[2.1] Căn cứ các giấy mượn tiền được lập giữa các bên và quá trình giải quyết vụ án các bên đương sự đều thừa nhận trong các ngày 13/02/2018 và ngày 14/02/2018, bị đơn chị H và anh Đ đã viết 02 giấy mượn tiền để vay của nguyên đơn bà T tổng số tiền 50.000.000 đồng. Tại các giấy mượn tiền các bên chỉ thể hiện thời hạn trả tiền vay là 01 tháng kể từ ngày 13/02/2018 và không thỏa thuận về lãi suất cho vay. Tuy nhiên, đến thời hạn trả nợ nhưng bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam kết, cho nên nguyên đơn khởi kiện buộc bị đơn trả toàn bộ nợ gốc và không yêu cầu tính lãi là có căn cứ. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn tổng số tiền 50.000.000 đồng kể từ ngày xét xử sơ thẩm là đúng quy định tại các Điều 466, 469 Bộ Luật dân sự.

[2.2] Xét kháng cáo của bị đơn cho rằng đối với toàn bộ khoản vay nêu trên mặc dù tại các giấy vay tiền đều không thể hiện về lãi suất, nhưng trên thực tế các bên có thỏa thuận miệng với nhau với mức lãi suất cho vay là 10%/năm và bị đơn cho rằng đã trả cho nguyên đơn mỗi tháng 5.000.000 đồng trong thời gian từ ngày 14/02/2018 đến tháng 02/2019 với tổng số tiền 60.000.000 đồng tiền lãi; mỗi lần bị đơn trả tiền đều có chị D là người chứng kiến sự việc cũng như việc vay tiền có lãi được thể hiện tại các tin nhắn mà bà T đã gửi cho bị đơn nhưng Tòa án sơ thẩm không xem xét toàn diện để làm căn cứ giải quyết vụ án. Tuy nhiên, bà T không thừa nhận sự việc trả lãi như nguyên đơn trình bày và nguyên đơn, người làm chứng cũng không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho việc đã trả số tiền lãi đã nêu. Đối với tin nhắn do bị đơn cung cấp để rằng bà T cho vay lấy lãi, nhưng căn cứ vào nội dung tin nhắn này không có cơ sở xác định bà T đã nhận tiền lãi như nguyên đơn trình bày. Mặt khác, đối với số tiền nợ gốc thì trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn đã thừa nhận đang còn nợ chưa trả, nhưng do hoàn cảnh đang còn khó khăn nên chỉ đồng ý trả dần mà không chấp nhận trả một lần như án sơ thẩm đã xét xử.

[2.3] Đối với yêu cầu của anh Đ buộc bà T trả lại bằng tốt ngiệp cao đẳng của mình thấy rằng: Tại giấy vay tiền đề ngày 14/02/2018 ngoài nội dung các bên thỏa thuận về số tiền vay còn có nội dung vợ chồng chị H, anh Đ để lại 02 bằng cao đẳng và 01 chứng minh nhân dân, nhưng không thể hiện cụ thể thông tin về số hiệu bằng, ngày tháng năm cấp bằng và thông tin của người được cấp bằng. Mặc dù tại phiên tòa phúc thẩm bà T có thừa nhận đã giữ bằng tốt nghiệp của anh Đ tại thời điểm viết giấy vay tiền, nhưng đã trả lại cho anh Đ sau khoảng thời

gian 01 tháng khi anh Đ đến xin lại giấy tờ để làm hồ sơ đăng ký học hệ Đại học và lời khai này của bà T là hoàn toàn phù hợp với lời khai của anh Đ về thời gian anh Đ làm hồ sơ đăng ký và tham gia học lên hệ Đại học từ năm 2020 đến năm 2022. Mặt khác, anh Đ yêu cầu bà T trả lại bằng tốt nghiệp hệ cao đẳng nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh về việc anh đã giao nhận bằng tốt nghiệp hệ cao đẳng của ai, số hiệu, ngày tháng năm được cấp bằng, cho nên không có cơ sở xác định hiện tại bằng tốt nghiệp Cao đẳng của anh hiện tại bà T đang nắm giữ.

Riêng bằng tốt nghiệp hệ cao đẳng của chị H thì bà T đã tự nguyện trả lại và chị H đã được nhận lại tại phiên tòa phúc thẩm, cho nên Hội đồng xét xử không xem xét gì thêm.

[3] Từ những căn cứ, phân tích được nêu tại mục [2] có đủ cơ sở xác định việc Tòa án cấp sơ thẩm chỉ tuyên buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả lại toàn bộ nợ gốc theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn đề nghị xem xét số tiền lãi đã trả, đưa thêm người làm chứng trong việc giải quyết vụ án và yêu cầu trả lại bằng tốt nghiệp hệ cao đẳng nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh cho kháng cáo của mình. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ để thỏa mãn yêu cầu kháng cáo của bị đơn và cần giữ nguyên bản án sơ thẩm theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, cho nên người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Đinh Thanh Đ và chị Đinh Thị Thu H, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 09/2024/DS-ST ngày 15/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình.

Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015; Điều 463, 465, 466, 470 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị T về tranh chấp hợp đồng vay tài sản

Buộc chị Đinh Thị Thu H và anh Đinh Thanh Đ phải có nghĩa vụ trả số tiền 50.000.000 đồng nợ gốc cho bà Đinh Thị T.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Buộc chị Đinh Thị Thu H và anh Đinh Thanh Đ phải chịu 2.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

+ Trả lại cho bà Đinh Thị T số tiền 1.250.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000569 ngày 27/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Buộc chị Đinh Thị Thu H và anh Đinh Thanh Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà anh Đinh Thanh Đ đã nộp tại biên lai số 0000615 ngày 06/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình (Xác nhận đương sự đã nộp đủ án phí phúc thẩm).

3. Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- TAND huyện Minh Hóa;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS huyện Minh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Trung Thành

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Nghĩa **Hoàng Thị Thanh Nhàn** **Trần Trung Thành**

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM